FireAnt

CTCP Đầu tư Năm Bảy Bảy (HSX: NBB)

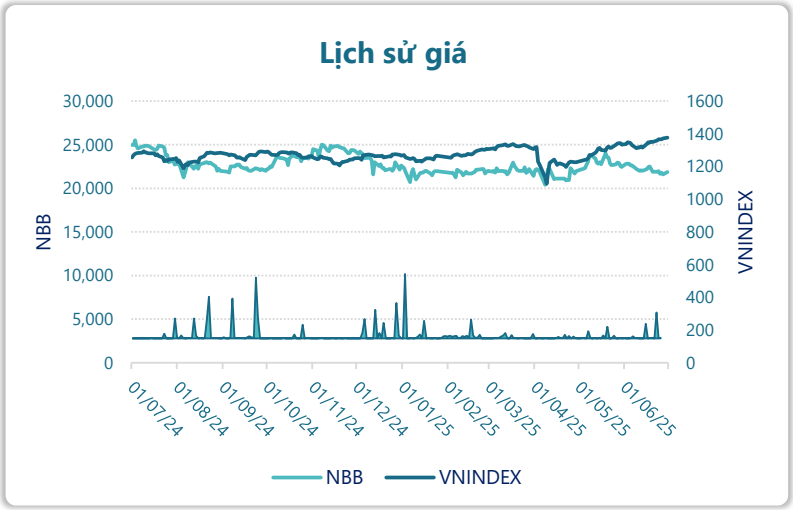

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**21,850**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	25,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	20,400
SL cổ phiếu LH	100,159,795
KLGD BQ 20 phiên (CP)	53,735
% sở hữu nước ngoài	0.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,188
P/E	2094.0
EPS	10

DT thuần

Q2/25

9.42

tỷ VNĐ

QoQ: ▼4.18| -30.7%

YoY: ▼5.38| -36.3%

LN sau thuế

Q2/25

0.05

tỷ VNĐ

YoY: ▼0.14| -73.9%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

788%

+/- YoY: ▲ 350%

DT thuần

6T 2025

23.0

tỷ VNĐ

YoY: ▼19.5| -45.7%

LN sau thuế

6T 2025

0.10

tỷ VNĐ

YoY: ▼0.13| -56.3%

ROE

Q2/25

0.1%

+/- YoY: ▼ 0.4%

Kết quả kinh doanh

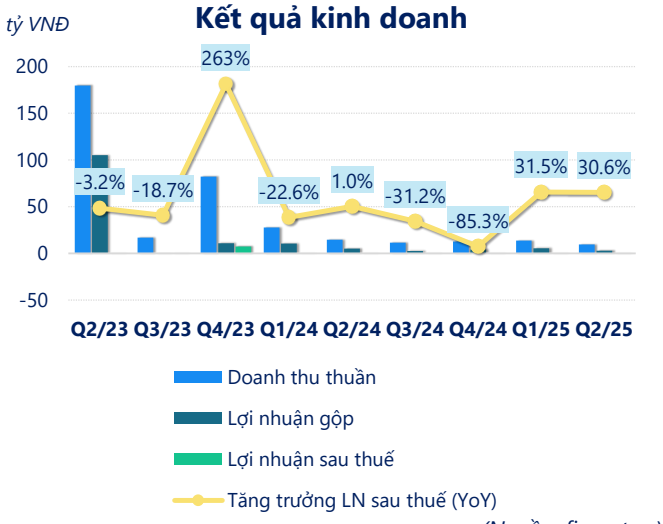

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

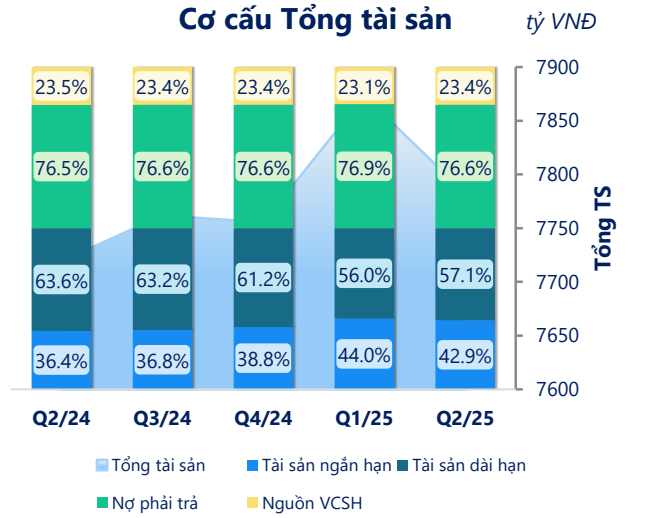

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

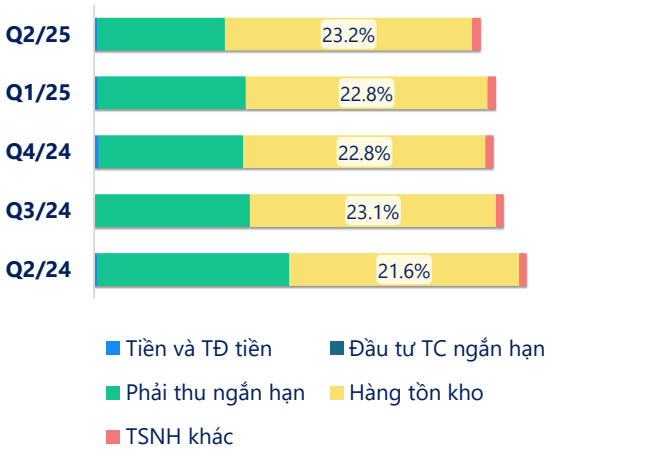

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

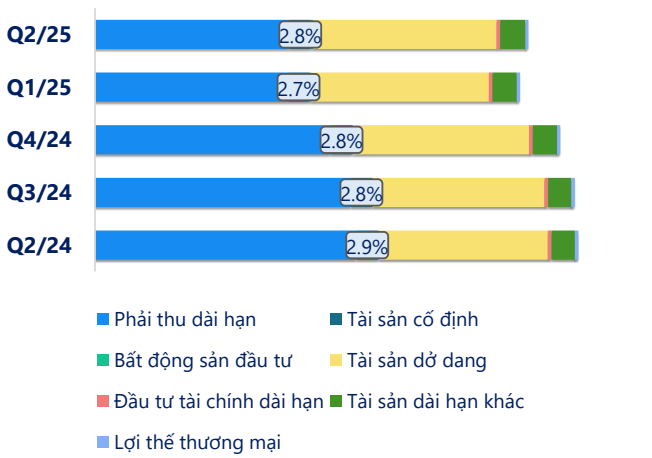

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

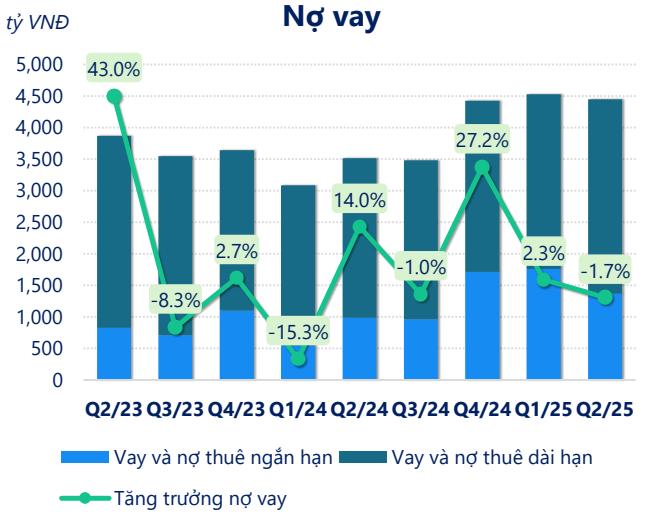

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

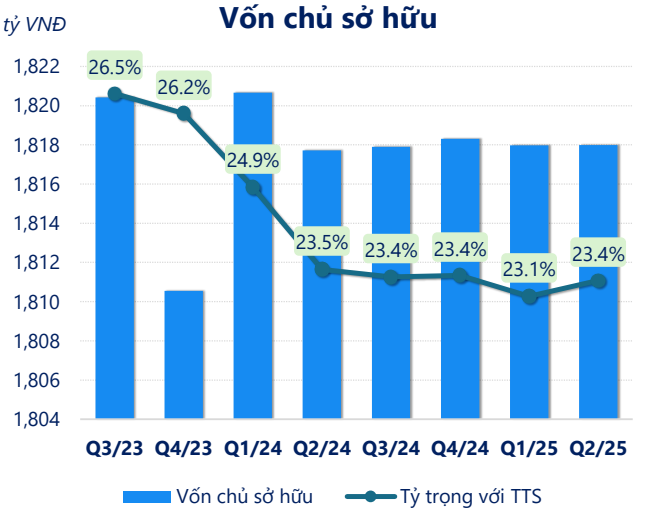

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

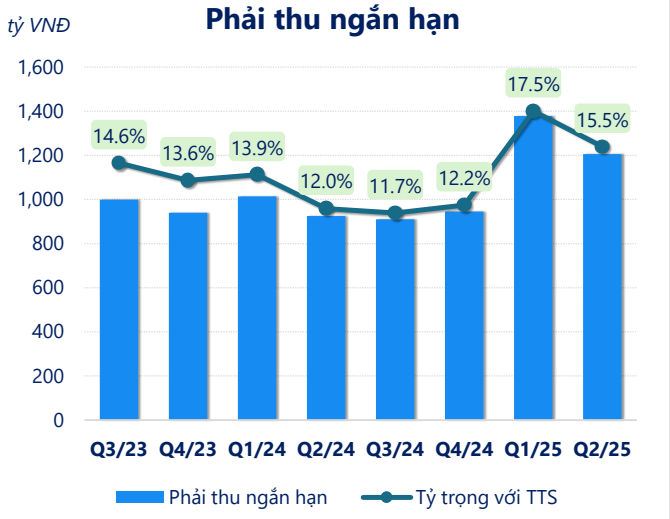

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

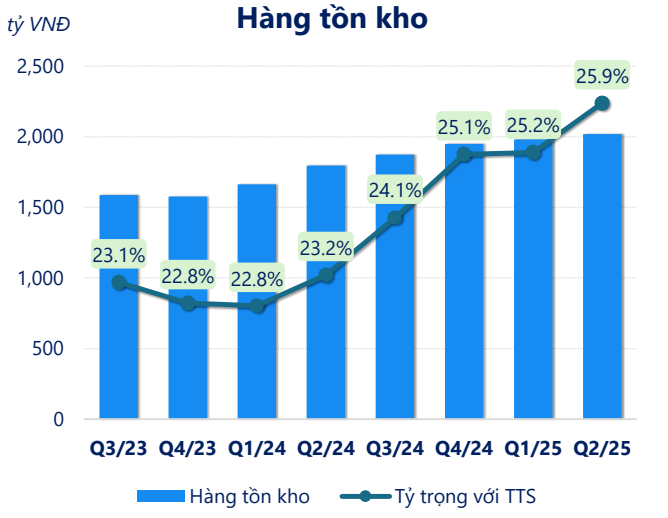

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

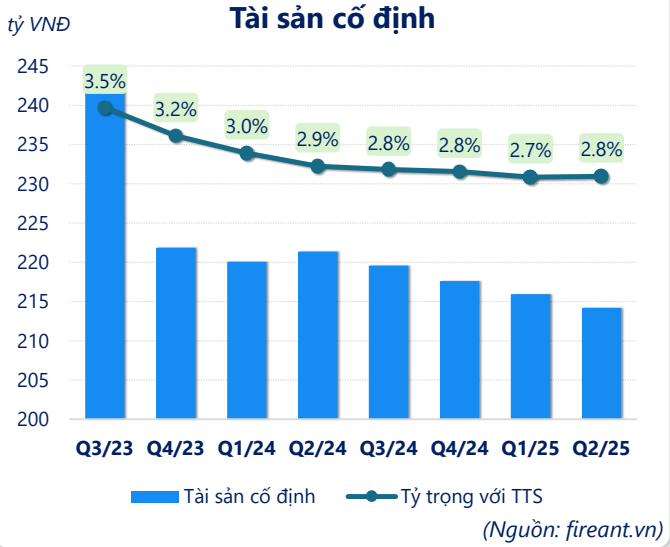

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

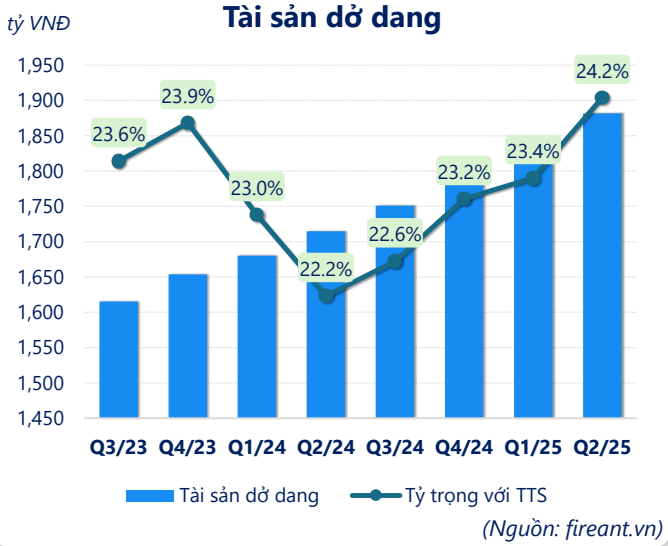

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

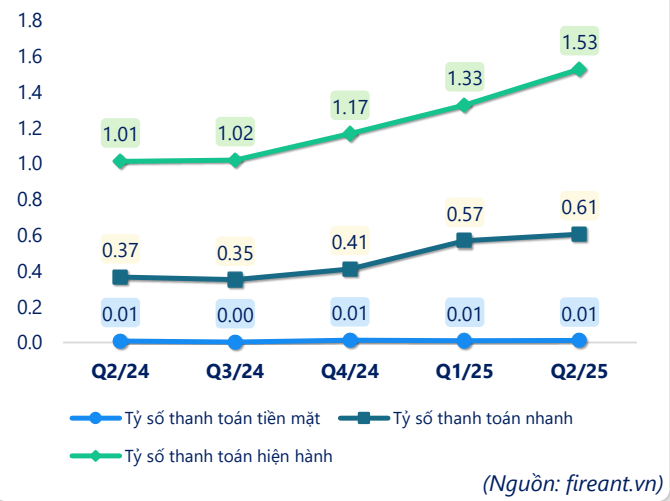

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

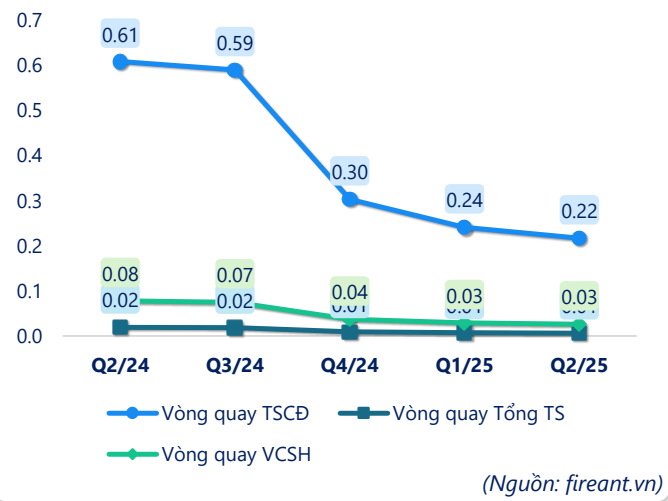

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**7,719**	**7,762**	**7,756**	**7,873**	**7,783**
Tài sản ngắn hạn	**2,807**	**2,858**	**3,006**	**3,467**	**3,341**
Tiền và tương đương tiền	24.6	6.76	33.1	27.3	25.3
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	9.00	9.00	9.00
Phải thu ngắn hạn	925	911	945	1,378	1,206
Hàng tồn kho	1,795	1,874	1,949	1,980	2,018
Tài sản ngắn hạn khác	63.2	67.2	70.4	72.5	83.8
Tài sản dài hạn	**4,912**	**4,904**	**4,750**	**4,406**	**4,441**
Phải thu dài hạn	2,656	2,613	2,409	2,002	1,996
Tài sản cố định	221	220	218	216	214
Bất động sản đầu tư	9.16	8.99	8.82	23.7	23.4
Tài sản dở dang	1,715	1,751	1,797	1,841	1,882
Đầu tư tài chính dài hạn	36.6	36.6	36.6	36.6	36.6
Tài sản dài hạn khác	238	240	247	254	258
Lợi thế thương mại	36.0	35.0	34.0	33.0	32.0
Nợ phải trả	**5,901**	**5,944**	**5,937**	**6,055**	**5,965**
Nợ ngắn hạn	**2,773**	**2,802**	**2,574**	**2,613**	**2,186**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	988	963	1,712	1,757	1,366
Phải trả người bán ngắn hạn	98.2	92.9	95.6	93.1	93.4
Nợ dài hạn	3,128	3,142	3,363	3,442	3,778
Vay và nợ thuê dài hạn	2,525	2,516	2,714	2,769	3,083
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,818**	**1,818**	**1,818**	**1,818**	**1,818**
Vốn chủ sở hữu	**1,818**	**1,818**	**1,818**	**1,818**	**1,818**
Vốn điều lệ	1,005	1,005	1,005	1,005	1,005
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)